

Bản án số: 13/2023/KDTM-PT
Ngày: 21/8/2023
V/v: “Yêu cầu công nhận thành viên
Công ty và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	ông Phạm Văn Hợp
Các Thẩm phán:	ông Phạm Tôn bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: bà **Bùi Thị Hồng Phượng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Xuân Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 05/2023/TLPT- KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2023 về “Yêu cầu công nhận thành viên Công ty và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2664a/2023/QĐPT-HC ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trương Quang V, sinh năm 1978; địa chỉ: Số D P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Mai Thị Ngọc A, sinh năm 1995 (theo văn bản ủy quyền ngày 17/11/2022); địa chỉ: B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Ngọc H – Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn X;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Quang L, chức vụ: Giám đốc.
Có mặt

Địa chỉ trụ sở: K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Ngọc N
- Văn phòng L4, Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: số E đường A, thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Số B N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Ông Trương Quang L, sinh năm 1954; địa chỉ: Số D P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Văn L1, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bà Phan Thị Á, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2022, quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Quang V trình bày:

Ông Trương Quang V là thành viên Công ty TNHH X (Sau đây gọi là Công ty) với tỷ lệ vốn góp vốn 30% tương đương 6.600.000.000 đồng (*Sáu tỷ sáu trăm triệu đồng*). Thời điểm ông V góp vốn là vào tháng 8/2016, có Giấy chứng nhận vốn góp, đã đăng ký tại Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 29/8/2016, ghi nhận thành viên Công ty gồm ông Trương Quang L với tỷ lệ vốn góp 70% và ông Trương Quang V với tỷ lệ vốn góp 30%.

Tuy nhiên, ông Trương Quang L đã tự ý thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi giấy phép về việc thay đổi thành viên Công ty và ngày 14/10/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ đã cấp lại giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ghi nhận thành viên Công ty gồm ông L với tỷ lệ vốn góp 70% và ông Nguyễn Hữu Đ với tỷ lệ vốn góp 30%.

Việc thay đổi thành viên Công ty, thay đổi tỷ lệ vốn góp không thông qua hoạt động chuyển nhượng vốn góp và không thông qua ông V là trái quy định pháp luật. Quá trình thay đổi thành viên và vốn góp của Công ty cụ thể như sau:

Năm 2004, Công ty được thành lập với 2 thành viên là ông Đ 80% và ông Trương Quang T 20%, vốn điều lệ Công ty là: 1,5 tỷ đồng, ông Đ làm giám đốc, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

Năm 2007, Công ty T2 lên 22 tỷ đồng bằng cách các thành viên góp thêm vốn và nhận thêm thành viên mới là ông Trương Quang L. Lúc này Công ty gồm 3 thành viên là ông Lương 6, ông Đ 30% và ông T 10%, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3;

Năm 2009, ông Trung chuyển n phần vốn góp 10% cho ông V. Lúc này Công ty gồm 3 thành viên là ông Lương 6, ông Đ 30% và ông V 10%, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5;

Tháng 01/2014, ông L lên giữ chức vụ Giám đốc thay cho ông Đ. Công ty vẫn giữ nguyên 3 thành viên, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7;

Tháng 5/2014, nội bộ Công ty có tranh chấp về mặt pháp lý, để thuận tiện cho việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án, ông V tặng cho phần vốn góp của mình cho ông L (hình thức giấy tờ là chuyển nhượng). Lúc này Công ty gồm 2 thành viên là ông Lương 7, ông Đ 30%, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8;

Trong vụ kiện này, ông L cho rằng ông Đ với chức vụ Giám đốc trong thời gian điều hành Công ty từ năm 2004 đến 2013 đã lợi dụng chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi riêng và không góp đủ số vốn theo tỷ lệ. Vì vậy, ông L (đại diện cho Công ty) đã khởi kiện ra Tòa án, đề nghị Tòa án xét xử: Không công nhận tư cách thành viên của ông Nguyễn Hữu Đ tại Công ty X.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2016/KDTM-ST ngày 26/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án phúc thẩm số 23/2016/KDTM-PT ngày 29/7/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đều chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc không công nhận tư cách thành viên của ông Nguyễn Hữu Đ vì ông Đ đã không góp đủ số vốn như cam kết. Trên cơ sở đó, ông L kêu gọi ông V góp bù vốn 30% để Công ty có đủ điều kiện hoạt động và Công ty đã tiến hành thay đổi giấy phép lần thứ 10 ngày 29/8/2016, ghi nhận thành viên Công ty gồm ông L với tỷ lệ vốn góp 70% và ông V với tỷ lệ vốn góp 30%.

Đến năm 2019, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 13/2019/KDTM-GĐT ngày 08/11/2019 cho rằng vụ kiện tranh chấp vốn góp giữa Công ty và ông Đ còn nhiều điểm chưa làm rõ, vi phạm tố tụng, do đó vụ án được chuyển về Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại. Tuy nhiên, khi vụ án được chuyển về giải quyết lại thì đại diện Công ty là ông L không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk

Lầu đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 08/12/2021.

Như vậy, vụ kiện tranh chấp vốn góp giữa Công ty và ông Đ thực chất là tranh chấp giữa ông L và ông Đ vẫn chưa được giải quyết, việc Tòa án đình chỉ là do nguyên đơn (Công ty) vắng mặt. Hiện tại ông L lại căn cứ Quyết định đình chỉ này để tự ý tước đoạt đi tư cách thành viên của ông V, khôi phục lại tư cách thành viên của ông Đ là không đúng với nội dung giải quyết vụ án và không đúng với quy định pháp luật, tự ý tước đoạt số vốn góp 30% của ông V. Do đó, đề nghị ghi nhận lại số vốn góp của ông V trong Công ty là 30% (tương đương 6,6 tỷ đồng) vì ông V góp bằng tiền, bằng tài sản rõ ràng, còn lại phần vốn góp của ông L và ông Đ tự phân phối, cân đối, giải quyết.

Vì vậy, ông Trương Quang V khởi kiện, đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử:

Hủy nội dung đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/10/2022 tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH X có nội dung thay đổi thành viên Công ty; Công nhận ông Trương Quang V là thành viên Công ty TNHH X với tỷ lệ vốn góp là 30% trị giá 6,6 tỷ đồng.

Ông Trương Quang L là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH X đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Công ty TNHH X được thành lập cuối năm 2004, gồm có 2 thành viên là ông Nguyễn Hữu Đ là con rể ông L và ông Trương Quang T là em ruột ông L cùng thành lập vốn pháp định là 1,5 tỷ đồng. Toàn bộ vốn này là của ông L để ông T và ông Đ thành lập.

Năm 2007, Công ty tăng vốn điều lệ cũng như tăng cổ đông Công ty từ 2 thành viên lên 3 thành viên, vốn pháp định tăng từ 1,5 tỷ đồng lên 22 tỷ đồng trong đó ông Trương Quang L góp 60% vốn tương đương 13.200.000.000 đồng, ông Nguyễn Hữu Đ góp 30% vốn tương đương 6.600.000.000 đồng và ông Trương Quang T góp 10% vốn tương đương 2.200.000.000 đồng.

Năm 2009, vì lý do ông T bận nhiều việc nên ông L yêu cầu ông T bán 10% cổ phần này lại cho con ruột ông L là ông Trương Quang V.

Năm 2011, ông Đ làm giám đốc Công ty kinh doanh không có lãi, dẫn đến thua lỗ, Công ty N1 không có khả năng thanh toán nợ. Hậu quả các ngân hàng xiết nợ và thi hành án, nên Công ty đã triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên tước tư cách thành viên Công ty của ông Đ và khởi kiện bác bỏ tư cách thành viên Công ty của ông Đ với lý do ông Đ lấy tài sản là khách sạn S làm tài sản cá nhân góp vốn nên không hợp lệ. Tháng 01/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử chấp nhận đơn của Công ty. Do có kháng cáo của ông Đ, Tòa án nhân

dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đ căn cứ các bản án và đề nghị của Công ty đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty có 2 thành viên, trong đó vốn góp của ông L là 70% bằng 15.400.000.000 đồng; ông V có vốn góp 30% bằng 6.600.000.000 đồng. Tổng vốn của 2 người ông L và ông V là 22 tỷ.

Căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ngày 24/9/2022 Công ty đã tổ chức mời họp thành viên để chia lại tỷ lệ vốn góp trong tổng vốn điều lệ của Công ty là 22 tỷ đồng, trong đó ông Lương 6 bằng 13.200.000.000 đồng; ông Đ 30% bằng 6.600.000.000 đồng, ông V 10% bằng 2.200.000.000đ nhưng ông V không đồng ý, không ký vào biên bản họp cũng như sổ thành viên Công ty, sau đó Công ty làm thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/10/2022 trong đó ông Trương Quang L góp vốn 70% bằng 15.400.000.000 đồng; ông Đ góp vốn 30% bằng 6.600.000.000 đồng.

Ngày 10/11/2022, Công ty có mời ông V lên họp lần thứ 3 để giải thích theo văn bản của Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Đ yêu cầu tổ chức cuộc họp lại xác nhận vốn của 3 người để đủ điều kiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận có 3 thành viên và ông L có trách nhiệm tặng lại cho ông V 10% vốn thì mới họp lại. Nhưng ông V không chịu nhận lại 10% vốn mà đòi 30% vốn nên cuộc họp không có kết quả.

Về việc ông Lương k xác nhận cho ông V đã góp đủ 30% vốn của Công ty cho ông V là để hợp thức 30% vốn còn lại của ông Đ cho đúng điều lệ Công ty cũng như đúng vốn pháp định đã ghi trong điều lệ Công ty và để hợp thức hóa thủ tục. Vì 30% vốn góp của ông V vẫn trong vốn pháp định của Công ty là 22 tỷ, ông V cho rằng có 30% cổ phần là không đúng. Khi ông Đ rời Công ty Đ1 phải điều chỉnh lại vốn pháp định của Công ty X1 còn 15.400.000.000 đồng, thì ông Lương g vốn 60% bằng 13.200.000.000 đồng ông V góp vốn 10% bằng 2.200.000.000 đồng.

Từ năm 2007, khi tăng vốn điều lệ, các thành viên góp vốn đã góp đủ 22.000.000.000 đồng, ông V là người mua lại 10% cổ phần của ông T năm 2009 cho nên ông V nêu lý do của ông V có 30% là không có cơ sở. Chỉ đồng ý xác nhận ông V có 10% vốn tại Công ty chứ không phải là 30% như ông V trình bày. Đề nghị tòa án bác đơn khởi kiện của ông V để Công ty tự giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Ông là thành viên sáng lập của Công ty TNHH X với tỷ lệ vốn góp chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty.

Năm 2016, ông V góp vốn vào công ty TNHH X với số tiền là 6,6 tỷ đồng để sở hữu 30% vốn điều lệ công ty theo lời mời của ông Trường Quang L2 (ông L2), lúc bây giờ là Giám đốc công ty TNHH X. Tại thời điểm này, vốn điều lệ của công ty không tăng, vẫn là 22 tỷ đồng, bao gồm phần vốn góp của ông L2 là 13,2 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 70% vốn điều lệ (bao gồm 6,6 tỷ đồng vốn góp của tôi, chiếm 30% vốn điều lệ là phần vốn mà ông L2 chiếm đoạt). Ông V góp 6,6 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ.

Theo ông V, ông đã góp đủ số tiền 6,6 tỷ đồng, ông L2 là người nhận tiền và được công ty TNHH X cấp Giấy Chứng nhận góp vốn. Như vậy, ông V góp 6,6 tỷ đồng để sở hữu 30% vốn điều lệ nhưng vốn điều lệ của công ty vẫn 22 tỷ đồng, hồ sơ sổ sách kế toán không thể hiện phần vốn góp này của ông V, điều này là đúng với việc tặng hoặc chuyển nhượng vốn. Ông L2 đồng ý sang nhượng bớt vốn góp của mình tại công ty cho ông V với số tiền hai bên thỏa thuận là 6,6 tỷ đồng tương ứng 30% vốn điều lệ công ty và ông L2 đã nhận số tiền này cho cá nhân mình. Đây được xem là giao dịch giữa cá nhân với cá nhân nên có thể có hay không có biên lai nhận tiền. Giấy chứng nhận phần vốn góp của ông V tại công ty do ông L2 với tư cách là người đại diện theo Pháp luật của công ty ký, đóng dấu có giá trị Pháp lý cao nhất, phù hợp với qui định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty.

Như vậy, sau khi sang nhượng phần vốn góp của mình tại công ty cho ông V tương ứng tỷ lệ 30% vốn điều lệ công ty, cùng với việc phần vốn góp của tôi tại công ty C vốn điều lệ được Pháp luật thừa nhận thì phần vốn góp của ông L2 tại công ty Đ2 phải giảm từ 70% xuống còn 40 % vốn điều lệ căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty là hoàn toàn hợp lý.

Số phần vốn góp 30% của ông V đã được công nhận tại giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 10 nên đề nghị Tòa án xem xét. Việc ông V đã được công nhận hay không công nhận 30% vốn góp của mình không ảnh hưởng đến phần vốn góp của tôi tại Công ty đã được pháp luật và các thành viên công ty thừa nhận. Đối với yêu cầu hủy nội dung đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 14/10/2022 tại Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 6000461107 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH&ĐT tỉnh Đ cấp cho Công ty ngày 14/10/2022. Sau khi có phán quyết cuối cùng của cơ quan pháp luật có thẩm quyền, Công ty sẽ làm hồ sơ đăng ký thay đổi lại giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp theo quyết định của cơ quan pháp luật nếu có phát sinh nghĩa vụ.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Hoàng Văn L1 trình bày:
Ông L1 là kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X từ năm 2012 đến tháng 02/2017. Thời gian ông V góp vốn vào Công ty không được đưa vào sổ sách vì thời điểm này Công ty đã dừng mọi hoạt động kinh doanh chính là xây dựng, chỉ

còn hoạt động đối với 2 trường học. Tất cả nguồn thu do giám đốc ông L2 quản lý. Quá trình làm việc tại Công ty ông có thấy ông V đưa tiền mặt cho ông L2 để giải chấp trường tiểu học và xây dựng thêm các phòng học, còn số tiền cụ thể bao nhiêu ông không nắm được.

Người làm chứng bà Phan Thị Á trình bày: Từ năm 2012 đến tháng 2 năm 2017 bà Phan Thị Á là kế toán của Trường tiểu học Q trực thuộc Công ty TNHH X, ông Hoàng Văn L1 là kế toán của Công ty. Từ tháng 3 năm 2017, sau khi ông L1 thôi việc bà Á đảm nhận là kế toán của Công ty. Việc ông V trình bày ngày 15/8/2016 ông V góp vốn 6.600.000.000 đồng tiền mặt để góp thêm vốn vào Công ty TNHH X, bà Á không biết và không nắm được.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk LẮK đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 21 Điều 4, khoản 3 Điều 18; Điều 25, điểm c Điều 36, Điều 47, Điều 48, Điều 50, Điều 53 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Quang V.

- Hủy Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 lên đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/10/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn X.

- Công nhận ông Trương Quang V là thành viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn X với tỷ lệ vốn góp là 30% trị giá 6.600.000.000 đồng (*Sáu tỷ sáu trăm triệu đồng*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 279/QĐ-KSV-KDTM ngày 26/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang V.

Ngày 17/4/2023, ông Trương Quang L là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH X kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không công nhận việc ông Trương Quang V góp 30% cổ phần trong Công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH X – Đại diện theo pháp luật ông Trương Quang L giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chỉ công nhận cho ông Trương Quang V 10% vốn góp. Người bảo người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang V vì ông V không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc có đưa 6,6 tỷ tiền mặt cho ông Trương Quang L để góp vốn vào Công ty. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ có ý kiến:

Ông L sau khi sang nhượng phần vốn góp của mình tại Công ty cho ông V tương ứng tỷ lệ 30% vốn điều lệ công ty, cùng với việc phần vốn góp của Ông tại Công ty C vốn điều lệ được Pháp luật thừa nhận thì phần vốn góp của ông L tại công ty Đ2 phải giảm từ 70% xuống còn 40 % vốn điều lệ là hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã không nhìn nhận sự việc theo cách này mà lại viện dẫn vốn điều lệ phải tăng lên 28,6 tỷ rồi tự chia tỷ lệ góp vốn của các thành viên, đồng thời cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm công nhận phần vốn góp của ông V là gây khó cho việc thi hành án là không có cơ sở, trái với qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, làm sự việc thêm phức tạp. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; về tố tụng: án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án kinh doanh thương mại đúng trình tự, thủ tục; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và kháng cáo của bị đơn; sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng nghị, kháng cáo:

[2.1] Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (Gọi tắt là Công ty) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 21/9/2004. Vốn điều lệ ban đầu là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*), thành viên góp vốn ban đầu có 02 thành viên là ông Nguyễn Hữu Đ có giá trị góp vốn là 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), chiếm 80% tỷ lệ vốn góp, ông Trương Quang T có giá trị góp vốn là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), chiếm 20% tỷ lệ vốn góp.

Năm 2007, các thành viên góp thêm vốn và nhận thêm thành viên mới là ông Trương Quang L, Công ty tăng vốn điều lệ lên 22.000.000.000 đồng (*Hai mươi hai tỷ đồng*). Lúc này Công ty gồm 03 thành viên là ông Lương giữ 60% vốn góp, ông Đ giữ 30% vốn góp và ông T giữ 10% vốn góp, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 của Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ;

Năm 2009, ông Trung chuyển n phần vốn góp 10% cho ông V. Lúc này Công ty gồm 03 thành viên là ông Lương giữ 60% vốn góp, ông Đ giữ 30% vốn góp và ông V giữ 10% vốn góp, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 của Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Đ;

Tháng 01/2014, ông L lên giữ chức vụ Giám đốc thay cho ông Đ. Công ty vẫn giữ nguyên 03 thành viên, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7;

Ngày 24/4/2014, ông V tặng cho 10% phần vốn góp của mình cho ông L. Lúc này Công ty gồm 02 thành viên là ông Lương giữ 70%, ông Đ giữ 30%, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8;

Ngày 19/6/2014, Công ty khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận tư cách thành viên của ông Nguyễn Hữu Đ tại Công ty TNHH X.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2016/KDTM-ST ngày 26/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án phúc thẩm số 23/2016/KDTM-PT ngày 29/7/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đều chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, vì ông Đ không góp đủ số vốn như đã cam kết.

Sau khi có Quyết định của Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm nêu trên, ngày 12/8/2016, ông V có đơn xin góp thêm số vốn 6.600.000.000 đồng. Ngày 15/8/2016, Công ty cấp giấy chứng nhận phần vốn góp số 01/2016/CN-YN chứng nhận ông V góp 6.600.000.000 đồng, tỉ lệ 30% vốn góp, góp vốn bằng tiền mặt. Do đó, Công ty đã tiến hành thay đổi giấy phép lần thứ 10 ngày

29/8/2016, ghi nhận thành viên Công ty gồm ông L với tỷ lệ vốn góp 70% và ông V với tỷ lệ vốn góp 30%.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 13/2019/KDTM-GĐT ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên. Ngày 08/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với lý do nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đình chỉ giải quyết vụ án, Công ty đã triệu tập các cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty. Tại các cuộc họp ông L đề nghị đăng ký lại giấy phép kinh doanh với số cổ phần ông Lương 6, ông Đ 30%; ông V 10% nhưng ông V không đồng ý.

Ngày 14/10/2022, Công ty Đ3 thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11, với hai thành viên góp vốn là ông Trương Quang L 70%; ông Nguyễn Hữu Đ 30%.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Quang V đề nghị Tòa án hủy nội dung đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/10/2022 của Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Đ tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH X có nội dung thay đổi thành viên Công ty; Công nhận ông Trương Quang V là thành viên Công ty TNHH X với tỷ lệ vốn góp là 30% trị giá 6.600.000.000 đồng, thì thấy:

Ông Trương Quang V cho rằng sau khi có Quyết định của Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm về việc không công nhận ông Nguyễn Hữu Đ là thành viên của Công ty TNHH X, để bổ sung cho đủ số vốn góp 22.000.000.000 đồng theo sự kêu gọi của ông Trương Quang L, ngày 12/8/2016, ông V có đơn xin góp thêm 6.600.000.000 đồng và ông V đã góp đủ tiền.

Trình bày trên của ông V là phù hợp với Đơn xin góp vốn ngày 12/8/2016 của ông V, Giấy chứng nhận phần vốn góp số 01/2016/CN-YN ngày 15/8/2016 của Công ty TNHH X chứng nhận ông V góp 6.600.000.000 đồng, tỷ lệ 30% vốn góp, góp vốn bằng tiền mặt; Nghị quyết số 12/NQ-YN ngày 15/8/2016 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH X đồng ý cho ông V nhận góp bù số tiền 6.600.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ; Giấy chứng nhận lần thứ 10 ngày 29/8/2016 cho Công ty TNHH X, ghi nhận thành viên Công ty gồm ông L với tỷ lệ góp vốn 70%, ông V với tỷ lệ góp vốn 30%. Ông L cũng thừa nhận tất cả các tài liệu trên do ông ký hoặc làm thủ tục để được cấp.

Ông Hoàng Văn L1 là kế toán của Công ty từ năm 2012 đến tháng 02 năm 2017 xác định: Trong khoảng thời gian tháng 8 năm 2016 có thấy ông V đưa tiền mặt cho ông L để giải chấp T1 tiểu học và xây dựng thêm các phòng học, còn số tiền bao nhiêu thì ông không nắm được, vì đây là Công ty gia đình, việc giao nhận tiền là vấn đề nội bộ, kể từ ngày ông V là thành viên của Công ty thì ông V cũng có tham gia quản lý Trường học trực thuộc của Công ty. Lời khai của ông L1 phù hợp với lời khai ông L về việc xây dựng phòng học cuối năm 2016 và các tài liệu đương sự cung cấp.

Quá trình thu thập các tài liệu, chứng cứ thể hiện từ năm 2013 đến tháng 10 năm 2017, Công ty bị Cục thuế tỉnh Đ cưỡng chế và đóng mã số thuế theo

Quyết định số 1072/QĐ-CT ngày 21/8/2012 “Về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế đình chỉ việc sử dụng hóa đơn” của Cục thuế tỉnh Đ đối với Công ty TNHH X từ ngày 24/8/2012 và đến ngày 01/11/2017 thì Cục thuế tỉnh Đ mới có Thông báo số 1912/TB-CT “Thông báo về việc hủy Thông báo số 2882 CT/TB-BKD ngày 10/10/2013”. Ngoài ra, Công ty TNHH X là Công ty gia đình, ông Trương Quang V là con của ông Trương Quang L. Do đó, sổ sách không thể hiện việc ông V có nộp số tiền góp vốn 6.600.000.000 đồng vào Công ty và số vốn điều lệ của Công ty không tăng mà giữ nguyên 22.000.000.000 đồng là hợp lý.

Việc ông Lương k xác nhận góp vốn và làm thủ tục đăng ký thành viên công ty cho ông V là hoàn toàn tự nguyện, đúng ý chí, trên cơ sở thống nhất của hai bên và theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Ông L là Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty biết rõ quyền và nghĩa vụ của người góp vốn khi trở thành thành viên của Công ty nên ông phải chịu trách nhiệm đối với việc xác nhận góp vốn và thay đổi thành viên công ty cho ông V. Mặt khác, trong một thời gian dài từ tháng 8/2016 đến tháng 10/2022 ông L cũng không có ý kiến gì về việc ông V đã góp vốn, ông L cũng là người trực tiếp ký và làm các thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 48 Luật Doanh nghiệp: “*Thực hiện góp vốn thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp. Khoản 5. Tại thời điểm góp đủ phần vốn góp, công ty phải cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho thành viên tương ứng với giá trị phần vốn đã góp...*” thì Giấy chứng nhận phần vốn góp số 01/2016/CN-YN ngày 15/8/2026 của Công ty TNHH X cấp cho ông V là căn cứ xác định phần vốn góp của ông V cũng như xác định các quyền lợi hợp pháp của ông V trong Công ty TNHH X.

Như vậy, có cơ sở xác định, sau khi có đơn xin góp vốn, Hội đồng thành viên Công ty TNHH X ra Nghị Quyết đồng ý cho ông V nhận góp bù số tiền 6.600.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ. Sau khi nộp đủ tiền, ngày 15/8/2016 ông V được Công ty cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp số 01/2016/CN-YN chứng nhận ông V góp 6.600.000.000 đồng, tỉ lệ 30% vốn góp, góp vốn bằng tiền mặt. Ngày 29/8/2016, được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 10 cho Công ty TNHH X, ghi nhận thành viên Công ty gồm ông L với tỷ lệ vốn góp 70% và ông V với tỷ lệ vốn góp 30% là phù hợp thực tế, đúng quy định. Do đó, ông L yêu cầu không công nhận phần vốn góp của ông V là không có cơ sở.

Việc ông L tự quyết định và tiến hành thủ tục thay đổi nội dung chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 ngày 14/10/2022, loại bỏ tư cách thành viên công ty của ông V, ghi nhận thành viên Công ty gồm ông Trương Quang L với tỷ lệ vốn góp 70% ông Nguyễn Hữu Đ 30% mà không được ông Trương Quang V khi đó đang là thành viên góp vốn với tỷ lệ vốn góp 30% đồng ý là không đúng quy định pháp luật và trái với Điều lệ công ty.

Do đó, về cả trình tự, thủ tục của việc cấp đổi cũng như nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/10/2022 cho Công ty TNHH X là không đúng quy định của pháp luật nên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này phải bị hủy bỏ.

Từ các phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang V là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung được phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 279/QĐ-KSV-KDTM ngày 26/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X là không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 21 Điều 4, khoản 3 Điều 18; Điều 25, điểm c Điều 36, Điều 47, Điều 48, Điều 50, Điều 53 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Quang V.

[1] Hủy Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 lên đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/10/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn X.

- Công nhận ông Trương Quang V là thành viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn X với tỷ lệ vốn góp là 30% trị giá 6.600.000.000 đồng (*Sáu tỷ sáu trăm triệu đồng*).

[2] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH X phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng Công ty TNHH X đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001587 ngày 18/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp